

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST

Ngày: 25-12-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.

2. Bà Lê Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST- DS, ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà La Thị K, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ 10, Khu phố N, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Bà Phan Thị T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ 10, Khu phố N, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 10, Khu phố N, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Thị D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ 3, ấp V, xã Y, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà La Thị K trình bày: Vào ngày 12/01/2016 (âm lịch) vợ chồng bà có cho mẹ con bà Phan Thị T và

ông Trần Văn T vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 6.000.000 đồng/tháng, từ tháng 01/2016 âm lịch đến tháng 10/2016 âm lịch ông T đã đóng tiền lãi cho bà được 60.000.000 đồng thì ngưng đóng. Sau đó, ông T xin không đóng tiền lãi nữa và xin trả gốc hàng tháng là 5.000.000 đồng, từ ngày 30/01/2018 đến ngày 30/8/2018 (âm lịch) ông T đã đóng tiền gốc cho bà được 08 tháng bằng 40.000.000 đồng thì ngưng đóng. Ngày 24/7/2018 chồng bà là ông Trần Văn Ph bị bệnh chết, bà có yêu cầu ông T, bà T thanh toán số tiền trên nhưng ông T không thanh toán. Nay bà yêu cầu ông Trần Văn T, bà Phan Thị T thanh toán cho bà tiền gốc 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi 30.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 12/01/2016 (âm lịch), ông có vay của bà La Thị K số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 6.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 12/01/2016 đến ngày 12/01/2018 (âm lịch) ông đã đóng cho bà K tiền lãi được 25 tháng với số tiền là 150.000.000 đồng, khi đóng tiền lãi ông chỉ giao tiền chứ không làm biên nhận, do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin bà K không đóng lãi và xin được trả gốc hàng tháng là 5.000.000 đồng thì được bà K đồng ý, từ ngày 30/01/2018 đến ngày 30/8/2018 (âm lịch) ông đóng tiền gốc cho bà K được 40.000.000 đồng thì không đóng nữa, ông vay số tiền trên là sử dụng vào mục đích cá nhân, vợ ông là Lâm Thị D không hay biết, mẹ ông là Phan Thị T có ký vào giấy vay tiền nhưng mẹ ông ký với tư cách là người làm chứng không phải là người vay. Ông thừa nhận hiện nay còn nợ bà K tiền gốc 110.000.000 đồng và xin trả hàng tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và không yêu cầu xem xét lại các khoản tiền lãi mà ông đã đóng cho bà K.

Bị đơn bà Phan Thị T trình bày: Vào ngày 12/01/2016 (âm lịch) bà có ký vào biên nhận để chứng kiến việc con bà là Trần Văn T vay tiền của bà K, giữa ông T và bà K có thỏa thuận trả lãi là 6.000.000đồng/tháng, ông T đã đóng lãi cho bà K được 25 tháng bằng 150.000.000 đồng, sau đó không còn khả năng đóng nữa nên xin trả gốc hàng tháng là 5.000.000 đồng, ông T đóng được 08 tháng bằng 40.000.000 đồng, hiện nay ông T còn nợ bà K tiền gốc là 110.000.000 đồng. Nay bà K khởi kiện yêu cầu bà cùng với ông T thanh toán số tiền trên bà không đồng ý vì số tiền này bà không có vay.

Tại bản khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị D trình bày: Bà hoàn toàn không biết chồng bà là Trần Văn T vay của bà La Thị K nên bà không đồng ý cùng với ông T thanh toán số tiền trên cho bà K, ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự và quá trình tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, tại phiên tòa bà K và ông T đều thừa nhận tiền gốc còn nợ lại là 110.000.000 đồng,

ông T không yêu cầu xem xét lại các khoản tiền lãi đã đóng và bà K cũng không yêu cầu tính lãi nên đề nghị HĐXX không xem xét về tiền lãi. Tại phiên tòa, bà T cho rằng bà không vay số tiền trên nhưng tại biên nhận nợ đề ngày 12/01/2016 (âm lịch) bà có ký vào biên nhận nợ. Nay bà K chỉ yêu cầu bà T, ông T thanh toán tiền gốc 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K buộc bà T, ông T thanh toán tiền gốc 110.000.000 đồng, về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong vụ án này bị đơn ông Trần Văn T, bà Phan Thị T cùng cư trú tại khu phố N, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Vào ngày 12/01/2016 (âm lịch), bà La Thị K có cho ông Trần Văn T, bà Phan Thị T vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng, từ tháng 01/2016 đến tháng 10/2016 (âm lịch) ông T đã trả lãi cho bà K được 60.000.000 đồng, từ ngày 30/01/2018 đến ngày 30/8/2018 (âm lịch) ông T đã trả tiền gốc cho bà K được 40.000.000 đồng thì không trả nữa từ đó phát sinh tranh chấp.

[4] Xét biên nhận nợ tuy đề ngày 12/01/2016 (âm lịch) nhưng các bên đương sự đã thực hiện giao dịch đến tháng 8/2018 (âm lịch), do đó khi có tranh chấp xảy ra thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Tại phiên tòa, bà K và ông T đều thừa nhận số tiền gốc còn nợ lại là 110.000.000 đồng và bà K chỉ yêu cầu ông T, bà T thanh toán số tiền này, không yêu cầu tính lãi và ông T cũng không yêu cầu xem xét lại các khoản tiền lãi mà ông đã đóng nhưng ông nại ra rằng do hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ nhưng bà K không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét lời khai nại của ông và không xem xét lại các khoản tiền lãi mà ông đã đóng.

[5] Tại phiên tòa, bà T nại ra rằng bà không có vay số tiền trên bà chỉ chứng kiến ông T vay nhưng tại biên nhận nợ đề ngày 12/01/2016 (âm lịch) thể hiện bà và ông T vay số tiền trên và có chữ ký của bà. Do đó, cần buộc ông Trần Văn T, bà Phan Thị T thanh toán cho bà La Thị K tiền gốc 110.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2018 bà K đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà T thanh toán số tiền gốc 110.000.000 đồng và lãi suất 20 tháng là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 140.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà K về tiền lãi.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn T, bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 244 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Văn T, bà Phan Thị T thanh toán cho bà La Thị K tiền gốc 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà La Thị K đối với số tiền lãi 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn T, bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà La Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000đ (ba triệu năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001241 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lâm Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Văn Hên